TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGHĨA HƯNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/DS - ST
Ngày: 10 - 5 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hùng Phương.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Đức Chạc.
2. Bà Dương Thị Vui.

***Thư ký phiên toà*:** Ông Phạm Công Trình – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2024/TLST - TCDS ngày 16 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST - TCDS ngày 04 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 06/2024/QĐST – TCDS ngày 22 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1972;
Địa chỉ: Xóm D, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.
* Bị đơn: Chị Đinh Thị H, sinh năm 1974;
Địa chỉ: Phố Đ, xóm D, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.
Tại phiên tòa có mặt chị Phạm Thị T, vắng mặt chị Đinh Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày: Do có mối quan hệ quen biết hàng xóm với nhau nên chị Đinh Thị H có đến nhà hỏi vay tiền chị Phạm Thị T mục đích để mua đất, chị T đã nhất trí cho chị H vay cụ thể như sau: Ngày 21/12/2023 âm lịch (tức ngày 31/01/2024 dương lịch) chị T chuyển khoản vào tài khoản của chị H (số tài khoản của chị H là 100873497136, ngân hàng V) 03 lần: Lần 1 số tiền là 300.000.000 đồng, Lần 2 số tiền 260.000.000 đồng, lần 3 số tiền

470.000.000 đồng. Sau đó hai bên viết giấy biên nhận với nhau nhưng không xác định thời hạn trả nợ và do vay thời gian ngắn nên hai bên cũng không xác định lãi suất. Ngày 22/12/2023 âm lịch (tức ngày 01/02/2024 dương lịch) chị T chuyển khoản vào tài khoản của chị H 03 lần: lần 1 số tiền 40.000.000 đồng, lần 2 số tiền 330.000.000 đồng, lần 3 số tiền 300.000.000 đồng. Tổng cộng chị T chuyển khoản vào tài khoản của chị H 06 lần với số tiền tính đến ngày 22/12/2023 (âm lịch) là 1.700.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm triệu đồng). Chị H hẹn sau ba ngày (tức ngày 25/12/2023 âm lịch) sẽ trả chị T tuy nhiên chị H không trả theo đúng hẹn, chị H lại hẹn đến ngày 28/12/2023 âm lịch sẽ trả nhưng nợ nhưng đến hẹn vẫn không trả nợ cho chị T. Trong giai đoạn này, do gia đình chị H buôn bán tạp hoá nên chị H có nói với chị T xuống mua hàng để trừ vào số tiền nợ. Chị Thu m số hàng thành tiền là 60.000.000 đồng. Nay chị Phạm Thị T yêu cầu chị Đinh Thị H phải trả cho T số tiền còn nợ lại là 1.640.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm bốn mươi triệu đồng) và trong đơn khởi kiện chị T có yêu cầu chị H phải trả lãi đối với số tiền trên là 10%/01 năm nhưng tại phiên toà chị T có quan điểm chị không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên nữa.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn là chị Đinh Thị H mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án. Mặt khác Toà án cũng đã đăng tin thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng yêu cầu chị H có mặt tại Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng để tham gia tố tụng nhưng chị Đinh Thị H vẫn không có mặt theo giấy báo, giấy triệu tập và thông báo của Tòa án để trình bày quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Quá trình xác minh với chính quyền địa phương cũng như với Công an xã N thể hiện: Chị Đinh Thị H không có mặt tại địa phương, chị H không cắt hộ khẩu cũng không xin tạm trú ở đâu. Hiện nay chị Đinh Thị H vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã N.

Quá trình Toà án làm việc với anh Lương Ngọc D là chồng của chị Đinh Thị H thể hiện: Anh D không biết chị Đinh Thị H hiện nay đang ở đâu. Việc vay tiền giữa chị H với chị Phạm Thị T như thế nào anh không biết, anh không liên quan gì. Anh D từ chối không nhận các văn bản tố tụng của Toà án và cũng không ký vào biên bản làm việc của Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã cơ bản thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng các Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 469 và 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T, buộc chị Đinh Thị H phải thanh toán cho chị Phạm Thị T số tiền là 1.640.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm bốn mươi triệu đồng). Về án dân sự sơ thẩm đề nghị tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Đinh Thị H đăng kí hộ khẩu thường trú tại: xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Nay chị Phạm Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp vay tài sản đối với chị Đinh Thị H và Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, chị H không có mặt tại địa phương nhưng qua xác minh tại địa phương chị Đinh Thị H vẫn đăng ký hộ khẩu tại xã N chưa cắt hộ khẩu và cũng chưa xin tạm trú ở nơi khác. Mặt khác anh Lương Ngọc D (chồng chị Đinh Thị H) từ chối nhận các văn bản tố tụng của Toà án và cũng không cung cấp địa chỉ của chị H hiện đang ở đâu và cũng không ký biên bản làm việc với Toà án. Do vậy, Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã tiến hành niêm yết và thông báo lịch làm việc trên phương tiện thông tin đại chúng (B và Đ) nhưng chị H vẫn không có mặt theo giấy báo của Toà án. Hội đồng xét xử thấy: Chị Đinh Thị H đang cố tình che giấu địa chỉ nhằm trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn nên căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên Toà án vẫn tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Đinh Thị H vắng mặt không có lý do nhưng đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Đinh Thị H là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ cũng như lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay xác định: Trên cơ sở quen biết nên chị Đinh Thị H vay tiền của chị Phạm Thị T, sau khi chị T chuyển tiền cho chị H, hai bên có viết giấy biên nhận với nhau. Sau đó chị T có đòi nợ chị H nhưng chị H không trả nợ, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Hai bên xác lập giao dịch dân sự từ năm 2024 nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án: Theo văn bản được ký kết giữa chị Phạm Thị T và chị Đinh Thị H và chứng từ giấy báo nợ thể hiện việc chuyển khoản giữa chị Phạm Thị T và chị Đinh Thị H số tiền cụ thể như sau: Ngày 21/12/2023 âm lịch (tức ngày 31/01/2024 dương lịch) chị T chuyển khoản vào tài khoản của chị H 03 lần (số tài khoản của chị H tại ngân hàng V là 100873497136): Lần 1 số tiền là 300.000.000 đồng, Lần 2 số tiền 260.000.000 đồng, lần 3 số tiền 470.000.000 đồng. Sau đó chị H viết giấy nhận nợ đối với số tiền trên. Ngày 22/12/2023 âm lịch (tức ngày 01/02/2024 dương lịch) chị T chuyển khoản vào tài khoản của chị H 03 lần: lần 1 số tiền 40.000.000 đồng, lần 2 số tiền 330.000.000 đồng, lần 3 số tiền 300.000.000 đồng. Tổng cộng chị T chuyển khoản vào tài khoản của chị H 06 lần với số tiền tính đến ngày 22/12/2023 âm lịch chị Đinh Thị H đã vay của chị Phạm Thị T tổng

số tiền là 1.700.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm triệu đồng). Do gia đình chị H bán tạp hoá nên chị T đã đến mua hàng để trừ vào số tiền nợ được 60.000.000 đồng chị H còn nợ lại chị T số tiền là 1.640.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm bốn mươi triệu đồng). Nay chị Phạm Thị T yêu cầu chị Đinh Thị H phải trả cho chị T số tiền còn nợ là 1.640.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm bốn mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi. Mặc dù bị đơn chị Đinh Thị H đã được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng chị Đinh Thị H vẫn vắng mặt không đến Toà án làm việc từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy đối với số tiền còn nợ lại tổng cộng là 1.640.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm bốn mươi triệu đồng) trong đó có chữ ký của bị đơn chị Đinh Thị H và các giấy tờ chuyển khoản qua ngân hàng và qua các tài liệu do nguyên đơn cung cấp nên đủ cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T buộc chị Đinh Thị H phải trả số tiền còn nợ trên là có căn cứ và được chấp nhận.

[4] Việc vay nợ giữa chị Phạm Thị T với chị Đinh Thị H như thế nào anh Lương Ngọc D là chồng của chị H không được biết và xác định không liên quan đến vụ án. Nguyên đơn cũng không yêu cầu anh D có nghĩa vụ trả nợ cùng nên Hội đồng xét xử xác định anh D không phải là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[5] Về lãi suất: Tại phiên toà chị Phạm Thị T không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nói trên vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị T được chấp nhận nên chị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm vì vậy trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho chị Phạm Thị T. Bị đơn chị Đinh Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T.

2. Buộc chị Đinh Thị H phải trả cho chị Phạm Thị T số tiền còn nợ lại là 1.640.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm bốn mươi triệu đồng).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày chị Phạm Thị T có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Đinh Thị H chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả

theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Đinh Thị H phải nộp 61.200.000đ (Sáu mươi mốt triệu hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả chị Phạm Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001329 ngày 16/02/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nguyên đơn, người có quyền lợi liên quan và bị đơn có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Phạm Hùng Phương

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.